TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:01 /2021/QĐST- DS	*Cao Phong, ngày 14 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST- DS ngày 09 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Số 169 – Phố Linh Đường – Hoàng Liệt - Hoàng Mai – Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng:

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Hoạt động tố tụng theo Quyết định số 7300/QĐ – NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc về việc "*Ủy quyền tham gia tống tụng và thi hành án"*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cấn Văn H – Phó giám đốc (*là người đại diện theo ủy quyền lại của ông Đặng Hoàng H – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cao Phong theo văn bản ủy quyền ngày số 03/UQ – NHCS ngày 09/4/2021)*

Bị đơn: Bà **Bùi Thị H** – Sinh năm 1981

Cư trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về thanh toán công nợ: Các đương sự thống nhất thỏa thuận tính đến ngày

06/5/2021, bà Bùi Thị H phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C toàn bộ nợ gốc và lãi là **45.920.000đ** (*bốn mươi lăm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*). Trong đó:

Nợ gốc: 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng)*

Lãi: 25.920.000 đồng (*hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*

2.2. Kể từ ngày Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cao Phong có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp và bên có nghĩa vụ chưa trả được nợ thì phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 07/5/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Về án phí: Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 574.000đ (*năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng*). Bà Bùi Thị H chưa nộp án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS huyện Cao Phong;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).